

THÔNG BÁO


**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở
Năm học 2022 - 2023**

Biểu mẫu 10

TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm					
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1171 (88.98%)	316 (92.67%)	227 (89.72%)	309 (84.43%)	319 (89.61%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	117 (8.89%)	22 (6.45%)	22 (8.70%)	43 (11.75%)	30 (8.43%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	28 (2.16%)	3 (0.88%)	4 (1.58%)	14 (3.83%)	7 (1.97%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực					
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	507 (38.53%)	115 (33.72%)	114 (45.06%)	136 (37.16%)	142 (39.89%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	567 (43.09%)	163 (47.80%)	98 (38.74%)	161 (43.99%)	145 (40.73%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	242 (18.39%)	63 (18.48%)	41 (16.21%)	69 (18.85%)	69 (19.38%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (sau kiểm tra lại) (tỷ lệ so với tổng số)	1316 (100%)	341 (100%)	253 (100%)	366 (100%)	356 (100%)
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	61	25	36	0	0
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	446	90	78	136	142
c	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	303	0	0	158	145
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Chuyên trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	0/4	0/2	0/0	0/2	0/0
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0

6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	23	5	3	11	4
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện	8	0	0	0	8
2	Cấp tỉnh/thành phố	4	0	0	0	4
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	356	0	0	0	356
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp					
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	142 (39.89%)	0	0	0	142
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	145 (40.73%)	0	0	0	145
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	69 (19.38%)	0	0	0	69
VI I	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ	685/625	190/151	131/122	174/192	190/166
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	34	8	10	7	9

Hung Long, ngày 8 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị


Hồng Văn Tài